

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31/10/2018

V/v tranh chấp ly hôn, giao con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Cầm.

2. Bà Vũ Thị Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- ***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Thị Thanh Vân.

Ngày 31/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/9/2018 về việc “Tranh chấp về ly hôn, giao con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55A/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 25, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Đức A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 25, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị T và anh Lương Đức A tự nguyện kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lương Đức A nghiện chất ma túy. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo, nhưng vẫn không hòa giải được. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, xét thấy cuộc sống không hạnh phúc nên chị T đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Đức A.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T có 01 con chung là cháu Lương Đức M, sinh ngày 9 tháng 10 năm 2006. Nếu ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Lương Đức M cho anh Lương Đức A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, còn chị thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi con chung là 500.000 đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 24/9/2018, anh Lương Đức A trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, lý do mâu thuẫn vợ chồng cũng như về con chung như chị T trình bày là đúng. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không được hạnh phúc nên anh cũng nhất trí ly hôn.

Về việc giao con khi ly hôn: Anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyện vọng của cháu M, nếu cháu muốn ở với ai thì giải quyết theo yêu cầu của cháu. Về vấn đề cấp dưỡng thì tùy chị T

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện phải đi làm ăn xa nên anh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản ghi ý kiến của cháu Lương Đức M đề ngày 30/9/2018, cháu M có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng muốn ở với anh Lương Đức A.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Kiểm sát viên cho rằng: Các bên đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh đã lâu do anh Lương Đức A có những biểu hiện sử dụng chất ma túy, không tu chí làm ăn, từ đó vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, hiện tại 2 người đang sống ly thân không quan tâm đến nhau. Cả hai đều có nguyện vọng xin được ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T để xét xử cho chị T được ly hôn với anh A.

Về con chung: Cả hai xác nhận có một con chung là cháu Lương Đức M, xét yêu cầu của chị T và nguyện vọng của cháu M đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu M cho anh Lương Đức A nuôi dưỡng, chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Từ những phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án. Tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị T và anh Lương Đức A vắng mặt và có yêu cầu xin xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Đức A và chị Hoàng Thị T đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lương Đức A không quan tâm trách nhiệm đến gia đình vợ con, đến năm 2013 thì anh chị ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Anh chị đều thừa nhận cuộc sống chung không hạnh phúc, anh Lương Đức A nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Xét nguyện vọng ly hôn của chị Hoàng Thị T và anh Lương Đức A là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung, giao con khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung:

Các đương sự đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Đức M sinh ngày 24 tháng 9 năm 2006. Xét yêu cầu của chị Hoàng Thị T, anh Lương Đức A và nguyện vọng của cháu M, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu M cho anh Lương Đức A chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T phải cấp dưỡng mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Lương Đức A.

Về con chung: Giao cháu Lương Đức M, sinh ngày 9 tháng 10 năm 2006 cho anh Lương Đức A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị Hoàng Thị T phải cấp dưỡng mỗi tháng 500.000 đồng để nuôi cháu Lương Đức M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000 đồng. Xác nhận chị Hoàng Thị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/ 0005451 ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Chị Hoàng Thị T phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSNDTP;
- Các đương sự;
- THADS;
- UBND xã Cam Đường;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Thịnh

